

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

THÀNH PHỐ T

TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72 /2019/DS– ST

Ngày: 09/9/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Diễm;
2. Ông Nguyễn Bảy;

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Tuyết Trinh – Thư ký Tòa án.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2019/TLST – DS ngày 13/5/2019 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXXST – DS ngày 06/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K; địa chỉ: 40 – 42 – 44 đường P, huyện R, tỉnh Kiên Giang; Ủy quyền cho Giám đốc chi nhánh Phú Yên, địa chỉ: 97 đường N, phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên (theo Quyết định ủy quyền số 2872/QĐ-NHKL ngày 08/8/2018 của Tổng Giám đốc); Giám đốc chi nhánh Phú Yên ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T1 – Trưởng phòng kinh doanh (theo Quyết định ủy quyền số 264/QĐ-CNPY ngày 04/4/2019). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Tăng Thùy Trung Tổ T – sinh năm 1977 và Tăng Thùy Trung Ái Q – sinh năm 1983; HKTT: Khu phố N, phường 8, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở: khu C, thôn N1, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn T2 – sinh năm 1957;  
Trú tại: 218 đường L, phường 8, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1.Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2019, các tài liệu tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

- Đối với khách hàng Tăng Thùy Trung Ái Q: Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn trả góp, bà Q đề nghị Ngân hàng cho vay 20.000.000đ, tài sản đảm bảo nợ vay là xe mô tô nhãn hiệu Exciter biển số 78C1 – 118.57 (chủ sở hữu Tăng Thùy Trung Tô T), nhân viên tín dụng Nguyễn T2 lập 02 Tờ trình tín dụng kiêm thẩm định tài sản ngày 16/11/2017 đề nghị Ngân hàng cho bà Q vay 10.000.000đ (tín chấp) và 10.000.000đ (thế chấp xe 78C1 – 118.57), Ngân hàng và bà Q ký Hợp đồng tín dụng số A362374/HĐTD-CC ngày 17/11/2017 cho bà Q vay 10.000.000đ, thời hạn vay 270 ngày (từ 18/11/2017 đến 14/8/2018), lãi vay 14,94%/năm, số tiền góp mỗi ngày là 41.133đ, ngày cuối cùng 40.333đ; Ký Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A362370/HĐTD-CC ngày 17/11/2017 cho bà Q vay 10.000.000đ, thời hạn vay 270 ngày (từ 18/11/2017 đến 14/8/2018), lãi vay 14,94%/năm, số tiền góp mỗi ngày là 41.133đ, ngày cuối cùng 40.333đ; Ngân hàng giao cho ông Nguyễn T2 01 sổ theo dõi thu tiền trả góp của bà Q góp mỗi ngày là 95.000đ (gốc và lãi góp theo 02 hợp đồng), bà Q đã góp được 10 ngày, từ ngày 28/11/2018 không góp nữa.

Tính đến ngày 09/9/2019:

+Khoản vay theo Hợp đồng số A362374: nợ gốc: 9.629.600đ, nợ lãi trong hạn là 1.064.180đ, nợ lãi quá hạn phát sinh là 3.126.158đ => Tổng cộng nợ gốc và lãi là 13.819.938đ.

+Khoản vay theo Hợp đồng số A362370: nợ gốc: 9.629.600đ, nợ lãi trong hạn là 1.064.180đ, nợ lãi quá hạn phát sinh là 3.126.158đ => Tổng cộng nợ gốc và lãi là 13.819.938đ.

- Đối với khách hàng Tăng Thùy Trung Tô T: Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn trả góp ký ngày 10/3/2017, bà T đề nghị Ngân hàng cho vay 60.000.000đ, tài sản đảm bảo nợ vay là xe mô tô nhãn hiệu Shark biển số 78C1 – 219.20 (chủ sở hữu Tăng Thùy Trung Tô T), nhân viên tín dụng Nguyễn T2 lập 02 Tờ trình tín dụng kiêm thẩm định tài sản ngày 17/8/2017 đề nghị Ngân hàng cho bà T vay 5.000.000đ (tín chấp) và 15.000.000đ (thế chấp xe 78C1 – 219.20), Ngân hàng và bà T ký Hợp đồng tín dụng số A288217/HĐTD-CC ngày 18/8/2017 cho bà T vay 5.000.000đ, thời hạn vay 90 ngày (từ 19/8/2017 đến 16/11/2017), lãi vay 14,94%/năm, số tiền góp mỗi ngày là 57.597đ, ngày cuối cùng 58.097đ; Ký Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A288214/HĐTD-CC ngày 18/8/2017 cho bà T vay 15.000.000đ, thời hạn vay 90 ngày (từ 19/8/2017 đến 16/11/2017), lãi vay 14,94%/năm, số tiền góp mỗi ngày là 172.790đ, ngày cuối cùng 174.290đ; Ngân hàng giao cho ông Nguyễn T2 01 sổ theo dõi thu tiền trả góp của bà T góp mỗi

ngày là 243.500đ (gốc và lãi góp theo 02 hợp đồng), bà T đã góp được 28 ngày, từ ngày 16/9/2017 không góp nữa.

Tính đến ngày 09/9/2019:

+Khoản vay theo Hợp đồng số A288217: nợ gốc: 3.444.600đ, nợ lãi trong hạn là 126.914đ, nợ lãi quá hạn phát sinh là 1.487.037đ => Tổng cộng nợ gốc và lãi là 5.058.551đ

+Khoản vay theo Hợp đồng số A288214: nợ gốc: 10.333.800đ, nợ lãi trong hạn là 380.680đ, nợ lãi quá hạn phát sinh là 4.461.112đ => Tổng cộng nợ gốc và lãi là 15.175.592đ

Theo báo cáo của ông Nguyễn T2 – phụ trách việc thu tiền góp đối với bà T và bà Q thì đây là hai chị em, mặc dù ký 02 hợp đồng vay ghi tên 02 người, tài sản đảm bảo nợ vay là 02 xe mô tô biển số 78C1 – 118.57 và biển số 78C1 – 219.20 nhưng 02 xe này đều đứng tên chủ sở hữu là bà Tăng Thùy Trung Tổ T, bà T là người sử dụng vốn vay và chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, bà T cũng đã chấp nhận việc này tại phiên hòa giải ngày 23/5/2019, do đó phía Ngân hàng chấp nhận buộc bà Tăng Thùy Trung Tổ T chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ theo 04 hợp đồng đã ký với Ngân hàng như đã trình bày trên, không yêu cầu bà T giao lại 02 xe mô tô biển số 78C1 – 118.57 và biển số 78C1 – 219.20 đã thế chấp để Ngân hàng phát mãi thu hồi nợ.

2.Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, bị đơn bà Tăng Thùy Trung Tổ T trình bày: Qua xem các Hợp đồng tín dụng, tôi thừa nhận trước đây tôi có mượn giấy tờ của em gái Tăng Thùy Trung Tổ Q cùng với giấy tờ của tôi vay Ngân hàng K số tiền gốc như trên, tuy nhiên tôi đã góp hàng ngày cho Ngân hàng qua anh T2, Ngân hàng thu tiền có ghi vào sổ theo dõi mà Ngân hàng cấp cho tôi, đến khoảng năm 2018, tôi góp 01 sổ còn nợ 32 ngày, 01 sổ còn nợ 16 ngày chưa góp thì mất khả năng trả, anh T2 có hướng dẫn tôi đưa hết 02 quyển sổ thu nợ cho anh để anh làm lại Hợp đồng vay khác cho tôi, khi Ngân hàng duyệt cho vay thì anh sẽ trừ nợ còn lại, còn bao nhiêu anh sẽ đưa tiền cho tôi, tôi tin lời anh đưa cho anh 02 quyển sổ theo dõi tiền góp này cùng với thẻ ATM đứng tên Q. Tuy nhiên từ đó đến nay anh Tiền không đưa tiền vay mới cho tôi mà Ngân hàng lại kiện tôi đòi nợ gốc 40.000.000đ và lãi là tôi không chấp nhận. Tôi chỉ chấp nhận trả hai khoản vay này là 11.720.000đ, khoản tiền góp hàng ngày đã được Ngân hàng tính tiền lãi trong đó nên tôi không chấp nhận trả lãi nữa. Khoản vay đứng tên Tăng Thùy Trung Tổ Q sẽ do tôi thanh toán, Q không liên quan đến khoản nợ này, Q hiện nay đang làm ở Sài Gòn không ở địa phương.

3. Tại các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T2 trình bày: Tôi là cộng tác viên của Ngân hàng thương mại cổ phần K có ký hợp đồng cộng tác viên, nội dung công việc là tìm khách hàng vay vốn, thẩm định tài sản cầm cố, thế chấp của khách hàng, hướng dẫn họ đến Ngân hàng để làm thủ tục vay vốn, thu tiền trả nợ của khách hàng đem nộp cho Ngân hàng. Bà Tăng Thùy Trung Ái Q, Tăng Thùy Trung Tố T là hai chị em ruột, cùng vay vốn của Ngân hàng TMCP K, Q đứng ra vay giúp cho T nên T đã đồng ý nhập hai khoản vay để T trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng, tôi là người trực tiếp thu tiền góp hàng ngày của hai khoản vay của hai khách hàng nói trên. Mỗi lần thu tiền góp của khách hàng đều có sổ theo dõi của Ngân hàng đồng thời cấp cho mỗi khách hàng 01 sổ theo dõi. Cụ thể:

- Tôi đã lập 02 Tờ trình tín dụng kiêm thẩm định tài sản ngày 16/11/2017 đề nghị Ngân hàng cho Q vay 10.000.000đ (tín chấp) và 10.000.000đ (thế chấp xe 78C1 – 118.57), Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số A362374/HĐTD-CC ngày 17/11/2017 cho khách hàng vay 10.000.000đ, thời hạn vay 270 ngày (từ 18/11/2017 đến 14/8/2018) và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A362370/HĐTD-CC ngày 17/11/2017 cho khách hàng vay 10.000.000đ, thời hạn vay 270 ngày (từ 18/11/2017 đến 14/8/2018); Khách hàng đã góp được 10 ngày (đến 27/11/2018 không góp nữa).

- Tôi lập 02 Tờ trình tín dụng kiêm thẩm định tài sản ngày 17/8/2017 đề nghị Ngân hàng cho T vay 5.000.000đ (tín chấp) và 15.000.000đ (thế chấp xe 78C1 – 219.20), Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số A288217/HĐTD-CC ngày 18/8/2017 cho khách hàng vay 5.000.000đ, thời hạn vay 90 ngày (từ 19/8/2017 đến 16/11/2017) và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A288214/HĐTD-CC ngày 18/8/2017 cho khách hàng vay 15.000.000đ, thời hạn vay 90 ngày (từ 19/8/2017 đến 16/11/2017).

**Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bổ sung thêm khoản tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn vắng mặt không trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn T2: Tôi thu tiền góp hàng ngày của cô T đều ghi vào sổ theo dõi giao cô T 02 sổ (ghi tên T và Q), phần tôi giữ 02 sổ, tôi khẳng định cô T đã góp 01 sổ được 10 ngày, 01 sổ được 28 ngày và không góp nữa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết nhằm mục đích phục vụ nhu cầu tiêu dùng, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Tăng Thùy Trung Tổ Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3] Bà Tăng Thùy Trung Ái Q ký với Ngân hàng thương mại cổ phần K Hợp đồng tín dụng số A362374/HĐTD-CC ngày 17/11/2017 vay 10.000.000đ, thời hạn vay 270 ngày (từ 18/11/2017 đến 14/8/2018), lãi vay 14,94%/năm, số tiền góp mỗi ngày là 41.133đ, ngày cuối cùng 40.333đ và ký Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A362370/HĐTD-CC ngày 17/11/2017 vay 10.000.000đ, thời hạn vay 270 ngày (từ 18/11/2017 đến 14/8/2018), lãi vay 14,94%/năm, số tiền góp mỗi ngày là 41.133đ, ngày cuối cùng 40.333đ;

[4] Bà Tăng Thùy Trung Tổ T ký với Ngân hàng thương mại cổ phần K Hợp đồng tín dụng số A288217/HĐTD-CC ngày 18/8/2017 vay 5.000.000đ, thời hạn vay 90 ngày (từ 19/8/2017 đến 16/11/2017), lãi vay 14,94%/năm, số tiền góp mỗi ngày là 57.597đ, ngày cuối cùng 58.097đ và ký Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A288214/HĐTD-CC ngày 18/8/2017 vay 15.000.000đ, thời hạn vay 90 ngày (từ 19/8/2017 đến 16/11/2017), lãi vay 14,94%/năm, số tiền góp mỗi ngày là 172.790đ, ngày cuối cùng 174.290đ; Ngân hàng giao cho ông Nguyễn T2 sổ theo dõi thu tiền trả góp của bà Q tính đến ngày 28/11/2018 đã góp được 10 ngày và sổ theo dõi thu tiền trả góp của bà T tính đến ngày 16/9/2017 đã góp được 28 ngày.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Tăng Thùy Trung Tổ T thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng nhưng đã góp 01 sổ còn nợ 32 ngày, 01 sổ còn nợ 16 ngày, bà đưa 02 quyển sổ thu nợ cho ông Tiền để làm lại Hợp đồng vay khác nhưng ông T2 không đưa lại nên chỉ chấp nhận trả hai khoản vay này là 11.720.000đ, khoản tiền góp hàng ngày đã được Ngân hàng tính tiền lãi trong đó nên bà không chấp nhận trả lãi nữa nhưng bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc trả góp, bà chấp nhận trả nợ cho khoản vay đứng tên Tăng Thùy Trung Tổ Q vì Q không liên quan đến khoản nợ này. Ông Nguyễn T2 thừa nhận ông là người được Ngân hàng giao nhiệm vụ thu tiền góp theo Hợp đồng của bà T và bà Q, thực tế bà T là người

sử dụng vốn vay của cả 04 hợp đồng nói trên nên ông thu tiền góp từ bà T và ghi vào 02 sổ thu nợ nộp về Ngân hàng, bà T cũng giữ 02 sổ theo dõi thu tiền góp chứ không có việc ông thu tiền không ghi sổ như bà T trình bày. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn công nhận việc bà T và bà Q là hai chị em, mặc dù ký 02 hợp đồng vay ghi tên 02 người, tài sản đảm bảo nợ vay là 02 xe mô tô biển số 78C1 – 118.57 và biển số 78C1 – 219.20 nhưng 02 xe này đều đứng tên chủ sở hữu là bà Tăng Thùy Trung Tố T, bà T là người sử dụng vốn vay và chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, bà T cũng đã chấp nhận trả nợ thay cho Tăng Thùy Trung Ái Q, do đó phía Ngân hàng chấp nhận buộc bà Tăng Thùy Trung Tố T chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ theo 04 hợp đồng đã ký với Ngân hàng như đã trình bày trên, không yêu cầu bà T giao lại 02 xe mô tô biển số 78C1 – 118.57 và biển số 78C1 – 219.20 đã thế chấp để Ngân hàng phát mãi thu hồi nợ. Xét thấy, Ngân hàng khởi kiện bà Q, bà T trả nợ vay là có cơ sở, bà T tự nguyện trả nợ thay cho bà Q và được Ngân hàng chấp nhận nên căn cứ Điều 370, 371 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long, buộc bà Tăng Thùy Trung Tố T trả nợ vay của các hợp đồng, cụ thể như sau: Tính đến ngày 09/9/2019:

+Khoản vay theo Hợp đồng số A362374/HĐTD-CC: nợ gốc: 9.629.600đ, nợ lãi trong hạn là 1.064.180đ, nợ lãi quá hạn phát sinh là 3.126.158đ => Tổng cộng nợ gốc và lãi là 13.819.938đ.

+Khoản vay theo Hợp đồng số A362370/HĐTD-CC: nợ gốc: 9.629.600đ, nợ lãi trong hạn là 1.064.180đ, nợ lãi quá hạn phát sinh là 3.126.158đ => Tổng cộng nợ gốc và lãi là 13.819.938đ.

+Khoản vay theo Hợp đồng số A288217/HĐTD-CC: nợ gốc: 3.444.600đ, nợ lãi trong hạn là 126.914đ, nợ lãi quá hạn phát sinh là 1.487.037đ => Tổng cộng nợ gốc và lãi là 5.058.551đ

+Khoản vay theo Hợp đồng số A288214/HĐTD-CC: nợ gốc: 10.333.800đ, nợ lãi trong hạn là 380.680đ, nợ lãi quá hạn phát sinh là 4.461.112đ => Tổng cộng nợ gốc và lãi là 15.175.592đ.

Tổng cộng nợ gốc là 33.037.600đ (Ba mươi ba triệu không trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm đồng). Nợ lãi là 14.836.419 (Mười bốn triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn bốn trăm mười chín đồng).

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 10/9/2019) nếu bị đơn Tăng Thùy Trung Tố T chưa thanh toán xong số tiền nói trên thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng số A362374/HĐTD-CC

ngày 17/11/2017, Hợp đồng số A362370/HĐTD-CC ngày 17/11/2017, Hợp đồng số A288217/HĐTD-CC ngày 18/8/2017, Hợp đồng số A288214/HĐTD-CC ngày 18/8/2017.

[4]Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 370, 371, 463, 466, khoản 1 Điều 468, 470, 357 của Bộ luật dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần K tại đơn khởi kiện ngày 11/4/2019, buộc bị đơn bà Tăng Thùy Trung Tổ T trả cho nguyên đơn số tiền 47.874.019 (Bốn mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi bốn triệu không trăm mười chín đồng) (trong đó gốc 33.037.600đ, lãi 14.836.419).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 10/9/2019) nếu bị đơn Tăng Thùy Trung Tổ T chưa thanh toán xong số tiền nói trên thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng số A362374/HĐTD-CC ngày 17/11/2017, Hợp đồng số A362370/HĐTD-CC ngày 17/11/2017, Hợp đồng số A288217/HĐTD-CC ngày 18/8/2017, Hợp đồng số A288214/HĐTD-CC ngày 18/8/2017.

3. Về án phí: Bị đơn bà Tăng Thùy Trung Tổ T phải chịu 2.393.700đ đồng (Hai triệu ba trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại 1.126.000đ (Một triệu một trăm hai mươi sáu ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 12432 ngày 13/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố T
- TAND tỉnh Phú Yên
- Các đương sự
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố T
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Hà**